

Số: 369 /QyĐ-CNT

Hải Dương, ngày 20 tháng 10 năm 2021

**QUY ĐỊNH TÍNH THI ĐUA HỌC SINH
ÁP DỤNG TỪ NĂM HỌC 2021-2022**

I. MỤC ĐÍCH

- Tạo nên phong trào thi đua cho học sinh trong học tập, nề nếp và các hoạt động phong trào, giáo dục kỹ năng.
- Là công cụ hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm quản lý học sinh, hỗ trợ cho việc xếp loại hạnh kiểm cuối kì, cuối năm.

II. CÁCH THỨC THỰC HIỆN

- Mỗi học sinh có quỹ điểm 200 điểm/tháng. Điểm cộng và điểm trừ thực hiện theo thang tính thi đua mục III.
- GVCN thường xuyên cập nhật tổng điểm thi đua của học sinh.
- Cuối kì GVCN nộp lại danh sách tổng điểm thi đua của lớp cho Lãnh đạo nhà trường trước khi xét duyệt hạnh kiểm.
- Cách thức xếp loại thi đua học sinh:

Thời gian	Cách tính	Xếp loại
Theo tháng	Tổng điểm thi đua theo tháng của học sinh.	- Loại A: Tổng điểm từ 200 điểm trở lên
Cuối học kỳ	Lấy trung bình cộng của các điểm thi đua của mỗi tháng (mỗi đợt) là điểm thi đua của mỗi học kỳ	- Loại B: Tổng điểm từ 150 --> 199 điểm. - Loại C: Tổng điểm dưới 150 điểm.
Cuối năm học	Lấy trung bình cộng của điểm thi đua của học kỳ 1 (hệ số 1) và học kỳ 2 (hệ số 2)	

III. THANG TÍNH THI ĐUA

1. Điểm cộng thi đua

1.1. Điểm cộng thi đua học tập

STT	Loại điểm cộng	Số điểm
1	Đạt điểm 10 trong kiểm tra thường xuyên (điểm hệ số 1)	2 điểm/lần
2	Đạt điểm cao nhất trong kì thi năng khiếu/thi khảo sát/thi HSG cấp trường/thi thủ tốt nghiệp THPT	20 điểm/lần



3	Xếp thứ từ 2 --> 3 trong kì thi năng khiếu/khảo sát/thi HSG cấp trường/thi thử tốt nghiệp THPT	10 điểm/lần
4	Xếp thứ từ 4 --> 5 trong kì thi năng khiếu/khảo sát/thi HSG cấp trường/thi thử tốt nghiệp THPT	5 điểm/lần
5	Hăng hái phát biểu ý kiến (được ghi SDB hay giáo viên khen)	2 điểm/lần
6	Tham gia đội tuyển HSG cấp Tỉnh	50
7	Tham gia đội tuyển HSG Khu vực, Quốc gia	100

1.2. Điểm cộng thi đua phong trào

1.2.1. Cấp trường

TT	Loại điểm cộng	Số điểm
1	Tích cực tham gia các hoạt động cấp lớp, trường,	10
2	Đạt giải cá nhân trong các cuộc thi hoặc được khen cấp trường	30

1.2.2. Các hoạt động của Đoàn, Hội, các Sở, Ban ngành cấp trên

TT	Loại điểm cộng	Số điểm
1	Tham gia các hoạt động Đoàn, Hội, các Sở, Ban ngành cấp trên	10
2	Đạt giải trong cuộc thi hoặc được khen cấp Thành phố	40
3	Đạt giải trong cuộc thi hoặc được khen cấp Tỉnh	50
4	Đạt giải trong cuộc thi hoặc được khen cấp Khu vực	70
5	Đạt giải trong cuộc thi hoặc được khen cấp Trung ương	100

2. Điểm trừ thi đua

2.1. Điểm trừ thi đua học tập

TT	Tên lỗi	Điểm trừ
1	Không học bài cũ (Kiểm tra bài cũ dưới 5 điểm)	20
2	Không làm bài về nhà	20
3	Làm việc riêng trong giờ, bị giáo viên phê bình, nhắc nhở...	20
4	Xếp cuối cùng trong 2 kì thi năng khiếu liên tiếp	30

2.2. Điểm trừ thi đua nề nếp

TT	Tên lỗi	Điểm trừ
1	Không đeo thẻ học sinh	10
2	Vi phạm giờ truy bài	10
3	Lỗi tập trung trong các hoạt động ngoại khóa	10
4	Không khóa xe theo quy định	10
5	Không thực hiện các công tác, phong trào Đoàn, Hội các cấp	10
6	Đi học muộn buổi sáng, buổi chiều	20 điểm/buổi
7	Đầu tóc phản cảm	20
8	Nghỉ học không phép buổi sáng, buổi chiều (GVCN phải báo cho GV bộ môn)	30 điểm/buổi
9	Không mặc đồng phục hoặc mặc không đúng quy định	30
10	Lỗi vi phạm luật giao thông	50
11	Lỗi ứng xử với thầy cô và người lớn tuổi	50
12	Lỗi phát ngôn trên mạng xã hội	50
13	Vi phạm quy định mua, bán đồ ăn hàng hóa trong nhà trường	50
14	Không gửi xe theo quy định của nhà trường	50
15	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	10 → 30



Nơi nhận:

- Lãnh đạo (để chỉ đạo);
- GVCN (để phối hợp theo dõi, đánh giá);
- Học sinh (để thực hiện);
- Lưu: VT, giáo vụ.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Ngọc Tùng

